

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN HOẠT ĐỘNG TỪ 1 THÁNG 1 NĂM 2010 ĐẾN  
NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2010**

**MỤC LỤC**

	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 24

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Chủ tịch
Ông Lại Việt Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Uy	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Kiên	Ủy viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Ủy viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Cao Châu Tuệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lại Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Diệu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đỗ Việt	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

---

**Trần Việt Sơn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Ngày 30 tháng 8 năm 2010

**BÁO CÁO SOÁT XÉT**  
**Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010**  
**đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long**

**Kính gửi :**           **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cùng với các báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (gọi tắt là “Công ty”) cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến 30 tháng 6 năm 2010 được lập ngày 20 tháng 8 năm 2010 từ trang 4 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và của Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc soát xét.

**Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến**

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Lê Xuân Thắng**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV  
Ngày 30 tháng 8 năm 2010

---

**Phạm Tiến Dũng**  
**Kiểm toán viên**  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0747/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MÃU B 01 - DN/HN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.683.290.817.564</b>	<b>1.706.082.240.995</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>62.123.028.532</b>	<b>48.604.983.583</b>
1. Tiền	111	V.1	62.123.028.532	48.604.983.583
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>41.033.019.322</b>	<b>96.847.689.953</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	41.033.019.322	97.008.689.953
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.141.158.283.466</b>	<b>699.077.079.772</b>
1. Phải thu khách hàng	131		180.113.012.715	171.804.863.966
2. Trả trước cho người bán	132		914.451.703.555	517.662.969.820
5. Các khoản phải thu khác	135		46.593.567.196	10.368.400.946
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.3</b>	<b>278.074.318.617</b>	<b>721.409.478.840</b>
1. Hàng tồn kho	141		278.074.318.617	721.409.478.840
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>160.902.167.627</b>	<b>140.143.008.847</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.095.464.559	2.540.712.764
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.131.793.910	30.444.652.584
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	144.674.909.158	107.157.643.499
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.310.070.316.371</b>	<b>1.573.559.414.025</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.619.535.117.414</b>	<b>1.266.221.024.622</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	313.461.038.333	394.429.947.720
- Nguyên giá	222		376.251.582.771	481.201.186.349
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(62.790.544.438)	(86.771.238.629)
3. Tài sản cố định vô hình	227		104.957.748	131.282.628
- Nguyên giá	228		183.248.820	183.248.820
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(78.291.072)	(51.966.192)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	1.305.969.121.333	871.659.794.274
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>446.539.753.978</b>	<b>200.913.810.719</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.7	270.738.110.176	153.185.810.719
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.8	175.801.643.802	47.728.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>243.995.444.979</b>	<b>106.424.578.684</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	91.911.868.458	104.820.644.178
3. Tài sản dài hạn khác	268		150.830.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.993.361.133.935</b>	<b>3.279.641.655.020</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 01 - DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.807.077.323.090</b>	<b>3.090.106.325.973</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.000.062.361.085</b>	<b>1.144.575.606.584</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	1.117.759.608.730	315.568.739.314
2. Phải trả người bán	312		105.900.287.807	169.466.617.782
3. Người mua trả tiền trước	313		424.493.853.390	173.554.727.369
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	29.906.935.608	62.879.543.580
5. Phải trả người lao động	315		3.848.548.547	6.980.743.224
6. Chi phí phải trả	316		120.177.434.767	269.925.193.148
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		197.581.487.642	146.231.050.167
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		394.204.594	(31.008.000)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.807.014.962.005</b>	<b>1.945.530.719.389</b>
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.12	1.807.014.962.005	1.945.439.776.747
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>175.091.370.822</b>	<b>173.702.272.451</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.13	<b>175.091.370.822</b>	<b>173.702.272.451</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		16.000.000.000	16.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(29.159.593)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		16.033.728.434	6.933.728.434
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		10.089.365.570	5.089.365.570
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		32.968.276.818	45.708.338.040
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>11.192.440.023</b>	<b>15.833.056.596</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.993.361.133.935</b>	<b>3.279.641.655.020</b>

Trần Việt Sơn  
Phó Tổng Giám đốc  
Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Đình Thuận  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
 Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 02 - DN/HN  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	906.925.538.507	165.989.526.164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	260.499.186
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		906.925.538.507	165.729.026.978
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	810.706.941.329	139.857.145.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		96.218.597.178	25.871.881.005
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	9.017.125.094	603.461.655
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	36.668.043.931	1.116.754.795
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34.932.349.494	1.116.754.795
8. Chi phí bán hàng	24		10.548.494.855	1.124.281.895
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.198.975.236	8.381.805.250
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.820.208.250	15.852.500.720
11. Thu nhập khác	31		20.874.452.174	3.588.358.646
12. Chi phí khác	32		19.372.500.153	3.486.711.134
13. Lợi nhuận khác	40		1.501.952.021	101.647.512
14. Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh	45		2.802.039.500	92.216.976
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		36.124.199.771	16.046.365.208
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		7.933.637.192	2.915.727.721
16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52	VI.5	350.357.986	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.840.204.593	13.130.637.487
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		883.203.654	5.502.822
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		26.957.000.939	13.125.134.665
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.696	1.313

Trần Việt Sơn  
 Phó Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Đình Thuận  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Phương pháp trực tiếp)

Cho giai đoạn hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

MẪU B 03 - DN/HN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	542.455.137.010	262.618.004.365
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(821.538.296.286)	(270.677.959.076)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(19.335.845.169)	(10.614.025.281)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(45.710.928.242)	(18.256.404.008)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(3.335.188.317)	(5.068.071.018)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	1.120.626.389.730	599.646.309.171
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.513.741.098.886)	(847.480.877.839)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(740.579.830.160)</b>	<b>(289.833.023.686)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(55.899.947.404)	(230.655.932)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	60.000.000	1.500.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(1.000.000.000)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(174.034.560.146)	(1.000.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.359.381.281	433.948.000
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(223.515.126.269)</b>	<b>(1.795.207.932)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	19.535.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.194.799.673.178	465.522.631.839
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(216.721.671.800)	(98.148.343.169)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>977.613.001.378</b>	<b>347.374.288.670</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>13.518.044.949</b>	<b>55.746.057.052</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>48.604.983.583</b>	<b>16.600.962.671</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>62.123.028.532</b>	<b>72.347.019.723</b>

Trần Việt Sơn  
 Phó Tổng Giám đốc  
 Ngày 20 tháng 8 năm 2010

Nguyễn Đình Thuận  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (“Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014906 ngày 05 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty được sửa đổi 8 lần. Lần sửa đổi cuối cùng là ngày 10 tháng 10 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi đến thời điểm lập báo cáo này số vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Đầu tư kinh doanh các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị;
- Đầu tư kinh doanh các công trình thủy điện vừa và nhỏ;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, công trình kỹ thuật, hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, công trình cấp thoát nước, công trình đường dây và trạm biến áp;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc xây dựng (không tái chế phế thải, luyện kim, đúc, xi mạ điện);
- Vận tải vật tư, thiết bị ngành xây dựng và công nghiệp;
- Sản xuất, mua bán điện;
- Trồng rừng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét và cao lanh;
- Mua bán thiết bị máy công nghiệp, nguyên vật liệu sản xuất ngành công nghiệp và các thiết bị ngành xây dựng;
- Khai thác mỏ lộ thiên, khai thác và chế biến khoáng sản (trừ loại khoáng sản Nhà nước cấm); khoan tạo lỗ; khoan cọc nhồi và xử lý nền móng;
- Đầu tư, kinh doanh khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trang trí nội, ngoại thất;
- Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông;
- Kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, thiết bị máy móc ngành xây dựng, đồ trang trí nội ngoại thất;
- Tư vấn đầu tư xây dựng; chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin;
- Mua bán, lắp đặt thiết bị công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hoá;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu và dầu mỡ phụ;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm hàng hoá công ty kinh doanh;
- Kinh doanh các loại dịch vụ phục vụ khu đô thị, khu công nghiệp;
- Dịch vụ nhận ủy thác đầu tư;
- Dịch vụ quảng cáo;
- Lập dự án đầu tư các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị đến nhóm A;
- Lập dự toán, thẩm định dự toán các công trình dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đến nhóm A;
- Quản lý dự án công trình xây dựng dân dụng, giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị đến nhóm A;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản gồm: Tư vấn bất động sản, quản lý bất động sản, quảng cáo bất động sản, sàn giao dịch bất động sản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 được lập cho mục đích công bố thông tin theo quy định đối với các công ty niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

**3. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**Các ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và các công ty con, giữa các công ty con của Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2010, Công ty có 3 công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

- |   |   |   |                  |
|---|---|---|------------------|
| 1 - Tên Công ty   | : | Công ty cổ phần Đầu tư và truyền thông Thăng Long                 |                  |
| Địa chỉ   | : | 163 Đường Nguyễn Tuân, thành phố Hà Nội                           |                  |
| Hoạt động chính   | : | Là công ty hoạt động trong lĩnh vực truyền thông                  |                  |
| Điện thoại  | : | 04.35577919   | Fax: 04.35577921 |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2010 | : | 11.000.000.000 đồng   |                  |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ                            | : | 97%   |                  |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ                         | : | 97%   |                  |
| 2 - Tên Công ty   | : | Công ty cổ phần Thăng Long Sài Gòn                                |                  |
| Địa chỉ   | : | số 7A Lam Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình                            |                  |
| Hoạt động chính   | : | Kinh doanh bất động sản   |                  |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2010 | : | 11.485.500.000 đồng   |                  |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ                            | : | 51%   |                  |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ                         | : | 51%   |                  |
| 3 - Tên Công ty   | : | Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn                                |                  |
| Địa chỉ   | : | Số 05, đường Liễu Giai, phường Liễu Giai,<br>Quận Ba Đình, Hà Nội |                  |
| Hoạt động chính   | : | Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp                   |                  |
| Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 30/06/2010 | : | 1.313.656.221 đồng  |                  |
| Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ                            | : | 48,85%  |                  |
| Quyền biểu quyết của Công ty mẹ                         | : | trên 51%  |                  |

**Hợp nhất kinh doanh**

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 27/02/2006 ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng xuất kho được xác định theo phương pháp giá đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>Số năm khấu hao</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 19
Phương tiện vận tải	05 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
Tài sản	03 - 07

**Chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm

Chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm tiền thuê đất của Văn phòng Tổng công ty và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này liên quan đến hàng tồn kho được hạch toán vào giá trị hàng tồn kho, các khoản mục khác được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Ngoại tệ (tiếp theo)**

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	1.275.826.495	3.104.510.151
Tiền gửi ngân hàng	60.847.202.037	45.500.473.432
	<b>62.123.028.532</b>	<b>48.604.983.583</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Tài chính cổ phần Điện Lực	14.070.070.255	70.008.689.953
Công ty cổ phần Sông Đà - Thăng Long F	26.562.949.067	-
Khác	400.000.000	27.000.000.000
	<b>41.033.019.322</b>	<b>97.008.689.953</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	7.107.522.935	20.398.364.336
Công cụ, dụng cụ	256.145.000	959.872.765
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	268.416.094.628	699.397.710.372
Hàng hóa	2.294.556.054	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>278.074.318.617</b>	<b>721.409.478.840</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>278.074.318.617</b>	<b>721.409.478.840</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng thi công	136.631.395.167	107.157.643.499
Cầm cố, kỹ quỹ, ký cược ngắn hạn	8.043.513.991	0
	<b>144.674.909.158</b>	<b>107.157.643.499</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê  
 Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****5. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2010	<b>20.821.381.950</b>	<b>421.141.685.587</b>	<b>27.963.146.356</b>	<b>3.404.683.344</b>	<b>7.870.289.112</b>	<b>481.201.186.349</b>
Mua trong năm	316.100.000	1.272.866.819	1.470.320.000	581.995.375	-	3.641.282.194
Tặng khác	-	225.264.420.099	25.181.819	26.231.000	-	225.315.832.918
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.630.642.035)	(442.630.000)	(314.101.136)	-	(2.387.373.171)
Giảm khác	(5.387.556.585)	(304.805.909.054)	(20.756.308.484)	(569.571.396)	-	(331.519.345.519)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>15.749.925.365</b>	<b>341.242.421.416</b>	<b>8.259.709.691</b>	<b>3.129.237.187</b>	<b>7.870.289.112</b>	<b>376.251.582.771</b>
<b>KHẤU HAO</b>						
Tại ngày 01/01/2010	785.198.798	67.305.333.504	16.028.251.684	2.557.264.992	95.189.651	86.771.238.629
Khấu hao trong kỳ	589.138.857	34.823.041.996	922.043.708	417.480.082	1.331.132.400	38.082.837.043
Tặng khác	-	39.595.069.181	47.096.655	12.495.187	3.000.000	39.657.661.023
Thanh lý, nhượng bán	-	(207.289.165)	(36.885.834)	(65.892.786)	-	(310.067.785)
Giảm khác	(178.465.509)	(85.305.548.514)	(15.543.276.656)	(383.833.793)	-	(101.411.124.472)
<b>Tại ngày 30/06/2010</b>	<b>1.195.872.146</b>	<b>56.210.607.002</b>	<b>1.417.229.557</b>	<b>2.537.513.682</b>	<b>1.429.322.051</b>	<b>62.790.544.438</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2010	<b>20.036.183.152</b>	<b>353.836.352.083</b>	<b>11.934.894.672</b>	<b>847.418.352</b>	<b>7.775.099.461</b>	<b>394.429.947.720</b>
Tại ngày 30/06/2010	<b>14.554.053.219</b>	<b>285.031.814.414</b>	<b>6.842.480.134</b>	<b>591.723.505</b>	<b>6.440.967.061</b>	<b>313.461.038.333</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
DA khách sạn tại 3B Phan Đình Phùng - HK - HN	130.296.002.438	121.456.003.487
DA chung cư cao cấp Sao Mai tại đường 77 - Q.7 - Tp. HCM	140.005.272.890	133.015.017.956
DA chung cư tại Phường Tân Kiểng - Q.7 - Tp. HCM	262.596.928.068	243.825.912.818
DA Văn phòng cho thuê tại đường Yên Thế - Tp. HCM	57.784.008.250	25.231.237.823
DA khách sạn 5 sao tại đường Lý Thường Kiệt - Tp. Huế	166.548.895.178	151.611.144.000
DA chung cư Phú Xuân - Nhà Bè - Tp. HCM	89.061.235.401	83.416.278.068
DA khu dân cư Đường Nguyễn Bình - Tp. HCM	85.592.813.081	81.090.184.440
DA Khu đô thị mới Phú Lãm - Hà Đông - HN	4.103.554.030	4.103.554.030
DA biệt thự tại TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng	13.526.370.795	12.749.137.908
Mua sắm TSCĐ	65.435.903.519	3.439.996.341
Xây dựng trạm trộn bê tông tại đường Nguyễn Bình - TP. HCM	3.444.669.529	2.009.616.622
Xây dựng trụ sở Chi nhánh HCM	-	9.423.077.419
Xây dựng trụ sở Xí nghiệp 2	-	288.633.362
Dự án Khu đô thị biển An Viên - Nha Trang	177.176.926.235	-
Dự án Cồn Tân Lập - Nha Trang	14.634.997.440	-
Dự án Khu dân cư Bắc Trần Hưng Đạo - Hòa Bình	18.716.412.161	-
Dự án Khách sạn Phú Yên	111.518.240	-
Dự án Khu nhà ở Văn Khê	10.092.653.667	-
Dự án Văn Khê mở rộng	64.876.500.513	-
Dự án khu công nghiệp bờ trái Hòa Bình	875.364.989	-
Xây dựng trụ sở Văn phòng Công ty	270.000.000	-
Dự án Mỏ đá Đambri Đà Lạt	819.094.909	-
	<b>1.305.969.121.333</b>	<b>871.659.794.274</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ - THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê

Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010

đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	17.574.128.947	17.852.040.768
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	52.436.075.840	50.406.692.499
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	20.000.000.000	22.531.102.133
Công ty CP Sông Đà - Thăng Long M	5.415.242.432	5.558.833.279
Công ty CP Sông Đà 207	32.811.260.670	30.800.000.000
Công ty CP Địa Ốc Đất Vàng Việt	10.920.452.739	12.000.000.000
Công ty CP Sông Đà - Việt Hà	20.000.000.000	1.234.563.009
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	4.320.000.000	2.882.239.139
Cty TNHH 1 TV KDDVTM Thăng Long	806.659.455	780.000.000
Công ty cổ phần Sông Đà 1	24.687.517.393	-
Công ty cổ phần Sông Đà 1.01		9.140.339.892
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	60.766.772.700	-
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thăng Long	21.000.000.000	-
	<b>270.738.110.176</b>	<b>153.185.810.719</b>

**8. Đầu tư dài hạn khác**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư Kansai Vinashin	116.773.643.802	-
Công ty TNHH Du lịch Thương mại Thuận Phú	7.128.000.000	7.128.000.000
Trường Tiểu học Chu Văn An	3.000.000.000	3.000.000.000
Trường mầm non Sao Khuê	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty CP Sông Đà 11 - Thăng Long	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Tài Chính CP Sông Đà	40.900.000.000	29.000.000.000
Khác	-	600.000.000
	<b>175.801.643.802</b>	<b>47.728.000.000</b>

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê đất trụ sở Văn phòng Công ty	20.613.837.568	20.828.192.896
Chi phí công cụ dụng cụ phục vụ xây lắp	62.499.113.270	63.385.305.423
Chi phí khác	8.329.212.117	18.540.353.646
	<b>91.442.162.955</b>	<b>102.753.851.965</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
NH NN&PTNT Bắc Hà Nội	144.674.000.000	79.280.638.380
Ngân hàng Quân Đội	20.000.000.000	5.000.000.000
Công ty tài chính CP Sông Đà	759.200.000.000	148.200.000.000
Ngân hàng An Bình	191.237.293.000	-
Bà Nguyễn Bích Viễn	-	3.500.000.000
Ngân hàng Sea Bank	2.598.315.730	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	-	68.500.000.000
Ngân hàng ĐT và PT Đông Đô	-	9.103.500.934
Ngân hàng NN&PTNT Trảng An	-	1.500.000.000
Khác	50.000.000	484.600.000
	<b>1.117.759.608.730</b>	<b>315.568.739.314</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế GTGT	3.463.460.172	11.219.795.177
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.591.044.722	14.776.629.078
Thuế thu nhập cá nhân	868.869.561	244.598.695
Thuế nhà thầu	-	25.227.829
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	29.348.539.101
Các loại thuế khác	12.983.561.153	7.264.753.700
	<b>29.906.935.608</b>	<b>62.879.543.580</b>

**12. Vay và nợ dài hạn**

		<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng NN&PTNT Bắc HN	(i)	29.078.575.499	20.274.992.955
Ngân hàng Techcombank	(ii)	15.795.393.599	19.832.172.721
Vay vốn các cá nhân	(iii)	612.656.181.807	746.276.894.432
Công ty Tài chính CP Sông Đà		11.500.000.000	13.800.000.000
Công ty Tài chính CP Điện Lực		367.984.811.100	308.077.370.608
Ngân hàng Quân Đội - CN Mỹ Đình		100.000.000.000	120.000.000.000
Ngân hàng An Bình		60.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH ĐT BĐS Anh Phương		10.000.000.000	10.000.000.000
Trái phiếu công ty		600.000.000.000	600.000.000.000
Ngân hàng ĐT và PT Đông Đô		-	5.898.343.257
Ngân hàng NN&PTNT Trảng An		-	1.280.002.774
		<b>1.807.014.962.005</b>	<b>1.945.439.776.747</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

**12. Vay và nợ dài hạn (tiếp theo)**

Khoản vay (i) từ Ngân hàng NN&PTNT Bắc Hà Nội theo hợp đồng tín dụng số 1440-LAV-200900143 ngày 22/1/2009 với thời hạn 4 năm và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để mua máy khoan cọc nhồi. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay (ii) từ Ngân hàng CP Kỹ thương Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1085/HDTD/TH-PN/TCB ngày 13/03/2009 với thời hạn 3 năm và chịu lãi suất theo lãi suất thị trường. Khoản vay trên được dùng để mua máy khoan cọc nhồi. Khoản vay được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ vốn vay.

Khoản vay (iii) thể hiện khoản vay từ các cá nhân với lãi suất huy động của Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam và không có tài sản đảm bảo. Trong hợp đồng vay nêu rõ người cho vay sẽ được quyền mua căn hộ tại khu đô thị Usilk City hoặc nhận tiền lãi tại thời điểm đáo hạn của hợp đồng vay.

Các khoản vay còn lại với thời hạn từ 18 tháng đến 60 tháng nhằm phục vụ cho việc thi công dự án Usilk City với lãi suất từ 10.5% đến 13%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ THĂNG LONG**

Khu đô thị mới Văn Khê, Phường La Khê  
Quận Hà Đông, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2010  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2010

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****13. Vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Tại 01/01/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>(29.159.593)</b>	<b>6.933.728.434</b>	<b>5.089.365.570</b>	<b>45.708.338.040</b>	<b>173.702.272.451</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	26.957.000.939	26.957.000.939
Trích các quỹ	-	-	-	9.100.000.000	5.000.000.000	(17.782.812.161)	(3.682.812.161)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(21.914.250.000)	(21.914.250.000)
Giảm khác	-	-	29.159.593	-	-	-	29.159.593
<b>Tại 30/06/2010</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>16.033.728.434</b>	<b>10.089.365.570</b>	<b>32.968.276.818</b>	<b>175.091.370.822</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Doanh thu KDTM và cung cấp dịch vụ	111.722.676.856	18.061.322.130
Doanh thu kinh doanh bất động sản	509.616.532.613	128.990.934.947
Doanh thu hoạt động xây lắp	91.189.702.609	18.937.269.087
Doanh thu khác	194.396.626.429	-
	<b>906.925.538.507</b>	<b>165.989.526.164</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Giá vốn KDTM và cung cấp dịch vụ	106.064.362.044	17.327.202.489
Giá vốn kinh doanh Bất động sản	424.321.917.972	104.609.388.781
Giá vốn hoạt động xây lắp	85.924.034.884	17.920.554.703
Giá vốn khác	194.396.626.429	-
	<b>810.706.941.329</b>	<b>139.857.145.973</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.555.757.979	603.461.655
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.667.231.927	-
Lãi chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	948.651.856	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	845.483.332	-
	<b>9.017.125.094</b>	<b>603.461.655</b>

**4. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND</b>
Lãi tiền vay	34.932.349.494	1.116.754.795
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư dài hạn	1.448.192.145	-
Lỗ chênh lệch tỉ giá đã thực hiện	29.940.659	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.333.333	-
Chi phí tài chính khác	250.228.300	-
<b>Cộng</b>	<b>36.668.043.931</b>	<b>1.116.754.795</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**5. Thu nhập (Chi phí) thuế thu nhập hoãn lại**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	289.416.001	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	60.941.985	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>350.357.986</b>	<b>-</b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
	VND	VND
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ</b>	<b>26.957.000.939</b>	<b>13.125.134.665</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
<b>Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>26.957.000.939</b>	<b>13.125.134.665</b>
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	10.000.000	10.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.696</b>	<b>1.313</b>
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin về các bên liên quan**

Giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2010 đến 30/06/2010</b>	<b>Từ 01/01/2009 đến 30/06/2009</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	9.706.918.008	523.555.061
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	7.695.137.731	-
Công ty CP Bất Động Sản Thăng Long	-	314.926.037
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	-	2.696.018.241
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	11.026.524.227	-
Công ty CP Sông Đà 207	9.411.747.776	-
Công ty CP Sông Đà 1	4.038.222.067	86.828.451
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	375.622.787	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	205.805.592.539	-
	<b>248.059.765.135</b>	<b>3.621.327.790</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty CP Sông Đà - Bình Phước	26.595.867.775	2.653.575.796
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	11.504.501.004	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	14.124.766.776	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	1.740.082.927	-
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	12.204.606.119	-
Công ty CP Sông Đà 207	72.819.097.317	-
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	2.624.384.974	-
Công ty TNHH KD DV TM Thăng Long	2.736.690.493	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	54.818.961.018	-
	<b>199.168.958.403</b>	<b>2.653.575.796</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan như sau:*

	<b>30/06/2010</b>	<b>01/01/2010</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản phải thu</b>		
Công ty CP ĐT và Truyền thông Thăng Long	3.754.643.000	-
Công ty TNHH Tư vấn Franken Nguyễn	5.000.000.000	-
Công ty CP Sông Đà Bình Phước	49.153.294.260	-
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	-	7.624.098.571
Công ty CP Sông Đà Thăng Long M	62.405.000	-
Công ty CP Sông Đà Thăng Long F	26.007.796.396	-
Công ty CP Sông Đà Việt Hà	1.110.329.207	-
Công ty CP Sông Đà 2.07	4.087.060.813	-
Công ty CP Địa ốc Đất Vàng Việt	63.350.360.309	-
Công ty CP Sông Đà 1	66.442.044.275	-
Công ty Đầu tư Phát triển Thăng Long	6.209.563.156	-
Công ty CP Nền móng Sông Đà Thăng Long	67.762.060.444	-
<b>Các khoản phải trả</b>		
Công ty CP Sông Đà - Nha Trang	38.923.840.218	4.102.362.569
Công ty CP Sông Đà 207	20.000.000.000	1.817.508.511
Công ty CP đầu tư và truyền thông Thăng Long	1.705.424.011	987.044.124
Công ty CP Sông Đà 1	-	175.891.316
Công ty CP Thăng Long Sài Gòn	200.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Thăng Long	2.376.901.429	-

**2. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 số 01/2010/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 04 năm 2010, Công ty sẽ tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng bằng cách phát hành 3 triệu cổ phiếu để thưởng cho cổ đông hiện hữu và phát hành 2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2009. Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 08 tháng 07 năm 2010.

**3. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh của Bảng cân đối kế toán là số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2009 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của giai đoạn hoạt động từ 1/1/2009 đến 30/06/2009 đã được soát xét.

\_\_\_\_\_  
**Trần Việt Sơn**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Ngày 20 tháng 8 năm 2010

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Đình Thuận**  
**Kế toán trưởng**